

**BỘ TÀI CHÍNH****THÔNG TƯ số 20/1998/TT-BTC ngày 13-2-1998 hướng dẫn về giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá nhân hiệu nước ngoài được sản xuất, tiêu thụ tại Việt Nam.**

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Căn cứ Nghị định số 97-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thông tư số 98-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 97-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Bộ Tài chính hướng dẫn về giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá nhân hiệu nước ngoài được phép sản xuất, tiêu thụ tại Việt Nam như sau:

1. Giá bán hàng làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá nhân hiệu nước ngoài do các công ty, nhà máy thuốc lá thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam sản xuất là giá do các công ty, nhà máy bán cho các chi nhánh thuốc lá nước ngoài để tiêu thụ tại Việt Nam nhưng không được thấp hơn 10% mức giá bình quân do các chi nhánh thuốc lá nước ngoài bán ra. Trong trường hợp các công ty, nhà máy sản xuất không xác định giá tính thuế hợp lý thì cơ quan thuế căn cứ vào mức giá bình quân do các chi nhánh thuốc lá nước ngoài bán ra trừ (-) 10% để ấn định giá tính thuế.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ những quy định tạm thời của Bộ Tài chính về giá tính thuế đối với thuốc lá nhân hiệu nước ngoài được sản xuất, tiêu

thụ tại Việt Nam kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

VŨ MỘNG GIAO

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****QUYẾT ĐỊNH số 39/1998/QĐ-NHNN1 ngày 17-1-1998 quy định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế, dân cư và mức lãi suất tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức kinh tế.**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước ngày 24 tháng 5 năm 1990;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 2-3-1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ nghiên cứu kinh tế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.- Quy định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế và dân cư như sau:**

1. Mức trần lãi suất cho vay:

1.1. Cho vay ngắn hạn: 1,20%/tháng.

## 1.2. Cho vay trung hạn và dài hạn: 1,25%/tháng.

Mức trần lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam nói trên áp dụng cho cả khu vực thành thị và nông thôn đối với các khoản cho vay phát sinh kể từ ngày 21 tháng 1 năm 1998. Số dư nợ cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đến cuối ngày 20 tháng 1 năm 1998 tiếp tục thực hiện theo lãi suất cho vay ghi trên hợp đồng tín dụng (khế ước vay tiền).

2. Các mức lãi suất cho vay ưu đãi tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay đối với hộ nghèo: 0,8%/tháng.

2.2. Cho vay khôi phục và phát triển sản xuất theo Quyết định số 985-TTg ngày 20-11-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc khắc phục hậu quả cơn bão số 5 cho các tỉnh ven biển Nam bộ và Trung bộ:

- Cho vay ngắn hạn: 0,50%/tháng.
- Cho vay trung hạn và dài hạn: 0,60%/tháng.

2.3. Cho vay đối với tổ chức kinh tế và dân cư thuộc vùng núi cao (khu vực 3 theo quy định tại Thông tư số 41-UB/TT ngày 8-1-1996 về tiêu chí phân loại các khu vực miền núi và Quyết định số 42-UB/QĐ ngày 23-5-1997 về công nhận danh mục 3 khu vực miền núi và vùng cao của Ủy ban Dân tộc và Miền núi), hải đảo, vùng đồng bào Khơ me sống tập trung giảm 30% so với mức lãi suất cho vay cùng loại.

2.4. Cho vay đối với học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: 0,70%/tháng.

3. Lãi suất cho vay của Hợp tác xã tín dụng và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đối với thành viên vẫn thực hiện theo mức trần lãi suất quy định tại điểm 1.3, Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 197-QĐ/NH1 ngày 28-6-1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất cho vay bằng tiền Việt Nam và đô la Mỹ của tổ chức tín dụng đối với tổ chức kinh tế và dân cư.

4. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức trần lãi suất cho vay cùng loại; riêng lãi suất nợ quá hạn cho vay ưu đãi bằng 150% mức lãi suất cho vay ghi trên hợp đồng tín dụng (khế ước vay tiền).

Điều 2.- Quy định các mức lãi suất tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức kinh tế tại tổ chức tín dụng như sau:

- Tiền gửi không kỳ hạn tối đa: 1,50%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn đến 6 tháng tối đa: 4,00%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng tối đa: 4,50%/năm.

Điều 3.- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng Đầu tư và phát triển, ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Chủ nhiệm Hợp tác xã tín dụng căn cứ vào mức trần lãi suất cho vay và mức lãi suất tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức kinh tế tại Quyết định này và những quy định còn hiệu lực thi hành tại Quyết định số 197-QĐ/NH1 ngày 28-6-1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để quy định các mức lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay cụ thể.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 1 năm 1998. Mức trần lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam quy định tại điểm 1.1, 1.2 và 1.3, Khoản 1, Điều 1 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 197-QĐ/NH1 ngày 28-6-1997 hết hiệu lực thi hành (trừ mức trần lãi suất cho vay của Hợp tác xã tín dụng và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đối với thành viên).

Điều 5.- Chánh Văn phòng Thống đốc, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng Đầu tư và phát triển, Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam,

Công ty tài chính, Quý tín dụng nhân dân, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Chủ nhiệm Hợp tác xã tín dụng, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
*Phó Thống đốc*

LÊ ĐỨC THÚY

### TỔNG CỤC DU LỊCH

## **THÔNG TƯ số 66/1998/TT-TCDL ngày 23-1-1998 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 477-TTg ngày 3-7-1997 của Thủ tướng Chính phủ về phụ thu cước viễn thông tại khách sạn.**

Căn cứ Quyết định số 477-TTg ngày 3-7-1997 của Thủ tướng Chính phủ về phụ thu cước viễn thông tại các khách sạn.

Sau khi trao đổi thống nhất với Tổng cục Bưu điện và Bộ Tài chính, Tổng cục Du lịch hướng dẫn phụ thu cước viễn thông tại các khách sạn như sau:

### I. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Bao gồm các khách sạn đã được xếp hạng từ 1 đến 5 sao có đầu tư thiết bị bưu điện để thực hiện dịch vụ bưu chính viễn thông tại các khách sạn.

- Các khách sạn chưa xếp sao, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng không thuộc diện điều chỉnh của Thông tư này.

- Các khách sạn có đủ tiêu chuẩn từ 1 đến 5 sao chưa làm hồ sơ để gửi Sở quản lý nhà nước về du lịch, cần phải làm gấp để được xét duyệt kịp

thời và áp dụng mức phụ thu của Quyết định số 477-TTg ngày 3-7-1997 của Chính phủ.

### II. MỨC THU

1. Khách sạn xếp hạng từ 4 đến 5 sao, phụ thu cước viễn thông tối đa là 25%.

2. Khách sạn xếp hạng 3 sao, phụ thu cước viễn thông tối đa là 15%.

3. Khách sạn xếp hạng từ 1 đến 2 sao, phụ thu cước viễn thông tối đa là 10%.

### III. ĐĂNG KÝ MỨC PHỤ THU

1. Các khách sạn căn cứ vào hạng sao của khách sạn và mức độ đầu tư thiết bị bưu điện tại đơn vị để đăng ký mức phụ thu. Các đơn vị đầu tư toàn bộ thiết bị từ tổng đài đến các máy lẻ được áp dụng mức phụ thu tối đa đã quy định trên.

2. Các khách sạn làm thủ tục đăng ký mức phụ thu cước viễn thông với cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu, cơ quan vật giá, bưu điện tại địa phương về mức phụ thu đơn vị thực hiện, đồng thời gửi Tổng cục Bưu điện và Cục Bưu điện các khu vực để quản lý.

3. Mức phụ thu của khách sạn đã đăng ký phải được niêm yết công khai, rộng rãi cho khách hàng biết để thực hiện.

4. Khoản thu từ mức phụ thu cước phí viễn thông sau khi nộp thuế doanh thu 10% và trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến dịch vụ thông tin tại khách sạn, nếu có lãi thì thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo chế độ hiện hành.

### IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 3 tháng 8 năm 1997. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định số 477-TTg của Thủ